

Bản án số: 87/2018/HS-ST
Ngày 08-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh – Nguyên là giáo viên

Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 452/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 và số 539/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1999 (khi phạm tội 17 tuổi 09 tháng 15 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T5 và bà Đặng Thị M2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/7/2017 đến ngày 08/8/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 14/11/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Lê Văn D, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Đinh Th H6; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Duy M, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 3, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T10 và bà Lê Thị H7; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/7/2017 đến ngày 08/8/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

4. Đặng Duy T1, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Duy T11 và bà Đoàn Thị D2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/7/2017 đến ngày 08/8/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

5. Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2000 (khi phạm tội 17 tuổi 02 tháng 28 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T6 và bà Lê Thị U; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Đăng Duy M1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2000 (khi phạm tội 16 tuổi 11 tháng 18 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T7 và bà Tạ Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Nguyễn Văn D1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000 (khi phạm tội 17 tuổi 4 tháng 23 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D2 và bà Vũ Thị H6; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Vũ Đặng Long V, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2001 (khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 18 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Cách Thượng, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T9 và bà Đặng Thị Thanh X; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Nguyễn Văn V1, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2000 (khi phạm tội 17 tuổi 01 tháng 22 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Đỗ Thị H2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Lê Hoàng L, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2000 (khi phạm tội 16 tuổi 10 tháng 22 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Phạm Dũng, xã An Hồng, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Hoàng Thị H5; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2000 (khi phạm tội 17 tuổi 5 tháng 29 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T12 và bà Phạm Thị T13; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Nguyễn Anh T4, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2000 (khi phạm tội 17 tuổi 01 tháng 23 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T8; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. Đào Duy H, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2000 (khi phạm tội 16 tuổi 11 tháng 21 ngày) tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn H3 và bà Lê Thị H4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Đặng Long V: Ông Vũ Văn T9, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị Thanh X, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Cách Thượng, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hoàng L: Ông Lê Văn C, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị H5, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Phạm Dũng, xã An Hồng, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1: Bà Nguyễn Thị Hồng Thư – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T4, Vũ Đặng Long V: Bà Đoàn Thị Huế – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V1, Lê Hoàng L: Ông Bùi Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Duy H: Ông Nguyễn Ngọc Chiến – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Investco thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại:

+ Nguyễn Anh Đ, sinh ngày 24/10/2001; trú tại: Thôn Cách Hạ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Đào Duy H, sinh năm 01/8/2000; trú tại: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng (đồng thời là bị cáo); có mặt.

+ Lê Văn D, sinh ngày 08/01/1999; trú tại: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng (đồng thời là bị cáo); có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Anh Đ: Ông Nguyễn Đức H6, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Cách Hạ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Anh Đ: Ông Nguyễn Đức Chính – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hải Phòng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng – Công tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

Những người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn T5, sinh năm 1973 và bà Đặng Thị M2, sinh năm 1974; trú tại: Thôn 2, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – bố, mẹ đẻ của bị cáo Lê Văn T; có mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1973 và bà Lê Thị U, sinh năm 1971; trú tại: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Minh T2; có mặt.

3. Ông Nguyễn Đăng T7, sinh năm 1967 và bà Tạ Thị H1, sinh năm 1968; trú tại: Đội 4, thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Đăng Duy M1; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 và bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1972; trú tại: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn V1; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1979; trú tại: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Anh T4; có mặt.

6. Ông Đào Văn H3, sinh năm 1975 và bà Lê Thị H4, sinh năm 1979; trú tại: Thôn LQ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố, mẹ đẻ của bị cáo Đào

Duy H; có mặt.

7. Ông Nguyễn Ngọc T12, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị T13, sinh năm 1973; trú tại: Thôn ĐT, xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng - là bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Ngọc T3; có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị H6, sinh năm 1974; trú tại: Thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng – là bố mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn D1; có mặt.

Những người làm chứng:

Nguyễn Tiến V2, sinh ngày 04/12/2000; người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Tiến V2: Ông Nguyễn Đình S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 28/7/2017, Lê Văn T có đăng ảnh trên Facebook thì Nguyễn Minh T2 vào bình luận dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn, T2 và T hẹn gặp nhau lúc 20 giờ ngày 29/7/2017 tại khu vực đường phía sau trường Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng, thuộc thôn Cách Hạ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, T nhắn tin vào nhóm kín “Biệt đội anh em Bắc Sơn” gồm có: Nguyễn Duy M, Lê Văn D và Đặng Duy T1 thông báo thời gian địa điểm hẹn đánh nhau với nhóm của T2, tất cả đều đồng ý. Sau khi hẹn đánh nhau với nhóm của T thì Nguyễn Minh T2 nhắn tin vào nhóm kín “Bang Thiên Long” gồm có: Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Văn D1, Vũ Đặng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Tiến V2, Nguyễn Ngọc T3 thông báo thời gian địa điểm hẹn đánh nhau với nhóm của T, tất cả đều đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 29/7/2017, các đối tượng T, T1, D, M gặp nhau tại nhà Trần Hữu Hải, thôn 5 xã BS, bàn bạc việc đi đánh nhau với nhóm của T2, thống nhất ai có vũ khí thì mang theo và hẹn khoảng 20 giờ cùng ngày sẽ tập trung tại cầu Vàng, thôn 3 xã BS để đi đánh nhau. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, D đi xe mô tô Biển kiểm soát 16M4-1920 đến nhà đón T1, T1 mang theo 02 tuýp sắt và cùng D đến quán điện tử tại xã BS gặp T. Sau đó D chở T1, T đi xe mô tô Biển kiểm soát 16H4-7452 đến nhà Phạm Văn Đ2 lấy 01 kiếm bằng kim loại (do M gửi ở nhà Diệp), rồi đi đến cầu Vàng gặp M đi ra mang theo 01 gậy bóng chày bằng gỗ và 01 con dao rựa. M cầm gậy bóng chày và đưa cho T cầm dao rựa, D cầm kiếm còn T1 cầm 02 tuýp sắt. T điều khiển xe mô tô chở T1, D điều khiển xe mô tô chở M đem theo vũ khí đến đoạn đường phía sau trường Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng, dựng xe ở giữa đường chờ nhóm của Nguyễn Minh T2.

Khoảng 15 giờ ngày 29/7/2017, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Lê Hoàng L đến quán Xgame, ở tổ 2 thị trấn AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Tại đây T2, M1 bàn bạc về việc chuẩn bị vũ khí đi đánh nhau, do không có tiền nên T2 đưa điện thoại di động Iphone 4 của mình cho M1 và L mang đi cầm cố

được 200.000 đồng. M1 cầm số tiền trên đến cửa hàng ống thép Bình Sơn, thôn Cách Hạ, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng mua, cắt được 11 cây tuýp sắt mang về để tại quán. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày các đối tượng tập trung tại quán Xgame để đi đánh nhau. Văn V1 đi xe Sirius màu sơn đỏ chở M1 bê 01 két vỏ chai thủy tinh lấy tại quán; H đi xe Gravita chở L; T4 đi xe AirBlade màu đen chở D1 ngồi giữa, Đ ngồi sau cùng (D1, Đ ôm bó tuýp); T3 đi xe Sirius 50cc màu trắng chở Long V; V2 đi một mình bằng xe Cup màu xanh; T2 đi một mình bằng xe Dream màu tím. H và L đi trước trên đường 351, khi rẽ vào đường phía sau trường Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng thì bị nhóm Lê Văn T phát hiện đuổi đánh nhưng bỏ chạy được. L gọi điện thoại cho T4 thông báo đã gặp nhóm của T. Lúc này nhóm của Nguyễn Minh T2 đã đến sân bóng NS, các đối tượng dừng xe phân chia vũ khí gồm: M1 lấy 01 tuýp sắt và ôm két vỏ chai, L lấy 02 tuýp sắt (lấy cho cả H), Đ lấy 01 tuýp sắt, Long V lấy 02 tuýp sắt (lấy cho cả T3), V2 lấy 01 tuýp sắt, D1 lấy 02 tuýp sắt, T4 lấy 01 vỏ chai, T2 lấy 01 tuýp sắt. Sau đó các đối tượng đi đến đoạn đường phía sau trường Cao đẳng nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng. T4 điều khiển xe chở D1, Đ đi đầu tiên, khi đi đến gần nhóm Lê Văn T thì bị Nguyễn Duy M cầm gậy bóng chày lao ra vụt trúng gáy Đ làm xe và người đổ ngã xuống đường, T4 và D1 chạy thoát, còn Đ bị xe đổ đè lên chân phải thì bị D cầm kiếm lao vào chém vào vai, tay trái làm Đ nằm gục trên vỉa hè. Nhóm Nguyễn Minh T2 xông vào ném chai và dùng tuýp sắt đánh nhau với M, T1, D và T. M dùng gậy bóng chày, T1 dùng tuýp sắt đánh Đào Duy H ngã xuống vỉa hè, H đứng dậy dùng tuýp sắt vụt T, T dùng tay trái đỡ và giằng được tuýp sắt của H, tay phải cầm dao vung lên chém làm H ngã xuống đường, T tiếp tục cầm dao chém liên tiếp nhiều nhát vào người H gây thương tích làm H gục xuống mé đường. D bị nhóm của T2 dùng tuýp sắt đánh gây thương tích vùng khuỷu tay trái; M bị đánh trúng vào vai trái nhưng thương tích không đáng kể. Sau đó nhóm Lê Văn T bỏ chạy về xã BS, mọi người đưa Đào Duy H, Nguyễn Anh Đ và Lê Văn D đi bệnh viện cấp cứu.

Biên bản khám nghiệm hiện trường tại đoạn đường giáp tường phía Nam khuôn viên trường Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng, đường dài theo hướng Đông – Tây, phía Đông là hướng đi thôn 1, xã NS; phía tây là hướng đi ra đường 351; phía bắc giáp liền kề tường phía Nam của trường Cao đẳng nghề du lịch và dịch vụ Hải Phòng; phía Nam giáp liền kề nghĩa trang NS; nền đường được trải bê tông nhựa bằng phẳng, rộng trung bình 10,86m; phía Bắc đường có vỉa hè rộng trung bình 4,2m, nền lát gạch Block màu đỏ, cao 0,12m so với mặt đường; Quá trình khám nghiệm thu giữ: 01 ống tuýp sắt bằng kim loại; 04 vỏ chai và một số mảnh thủy tinh vỡ; 01 miếng vải màu xanh nhạt; 03 khẩu trang y tế và một số dấu vết máu.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 398 ngày 31/7/2018 và Bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 413, ngày 09/8/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Nguyễn Anh Đ bị nhiều vết thương phần mềm gây đứt nhiều gân duỗi, xương bàn 3 bàn tay trái, chấn thương sọ não gây vỡ xương thái dương bên phải, tụ máu ngoài màng cứng thái dương phải, khí trong khoang màng não, phù não đang được điều trị, chưa ổn định. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể

do chấn thương sọ não là 30%, do các vết thương rách da, đứt gân duỗi, gãy xương bàn 3 tay trái là 27%; tổng tỷ lệ tất cả các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 49%. Trong đó vết thương vùng thái dương phải có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên; các vết thương xây xước da trước vai trái, cẳng tay trái, ngón 5 tay trái có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên; các vết thương còn lại có đặc điểm do vật tày gây nên.

Bản Kết luận giám định pháp y số 570 ngày 03/11/2017 của Trung tâm giám định pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Đào Duy H bị chấn thương tương đối mạnh vùng đầu gây rách da lớn, vỡ xương hộp sọ, dập não, tụ máu nội sọ và vết thương đứt gân Achile, gân gấp ngón I chân phải. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do chấn thương vùng đầu là 42%; vết thương đứt gân Achile vùng gót chân, cổ chân phải giảm 15%; tổng tỷ lệ tất cả các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 51%. Thương tích vùng đầu có đặc điểm do vật có cạnh cứng có thể sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên; vết thương vùng gót chân, cổ chân phải có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Bản Kết luận giám định pháp y số 416 ngày 10/8/2017 của Trung tâm Giám định pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Lê Văn D bị chấn thương tương đối mạnh gây gãy vỡ khối lồi cầu ngoài xương cánh tay trái và một số xây xước trên cơ thể, trong đó chấn thương gãy vỡ lồi cầu ngoài xương cánh tay trái làm giảm 23% sức khỏe; các vết xây xước da nông không đủ lớn để đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Chấn thương gãy vỡ lồi cầu ngoài xương cánh tay trái có đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên; 02 vết xây xước rách da nông ở vùng xương đòn trái và móng trái có đặc điểm do vật có góc cạnh sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên; 02 vết xây xước da ở bờ trước và sau nách trái có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Bản Kết luận giám định số 44 ngày 08/8/2017 và số 76 ngày 04/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Không đủ yếu tố giám định dấu vết đường vân và không phát hiện thấy dấu vết máu trên thanh kiếm Cơ quan điều tra đã gửi giám định.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Nguyễn Duy M, Đặng Duy T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Ngọc T3 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, đồng thời phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Lê Văn Thường, Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1 (áp dụng thêm Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo T)

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 20; Điều 53; Điều 91; Điều 98; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh T2

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 20; Điều 53; Điều 91; Điều 98; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đăng Duy M1 và Lê Hoàng L;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 20; Điều 53; Điều 91; Điều 98; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Nguyễn Ngọc T3 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo Long V, Văn V1, Anh T4, Duy H; D1) ;

Xử phạt:

+ Lê Văn T: Từ 5 năm đến 7 năm tù

+ Nguyễn Duy M: Từ 5 năm đến 6 năm tù

+ Lê Văn D: Từ 5 năm đến 6 năm tù

+ Đặng Duy T1: Từ 5 năm đến 6 năm tù

+ Nguyễn Minh T2: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù

+ Lê Hoàng L: Từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo

+ Nguyễn Đăng Duy M1: Từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án
treo

Án định thời gian thử thách đối với bị cáo L, Duy M1: Từ 24 đến 30 tháng.

+ Nguyễn Anh T4: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

+ Nguyễn Văn V1: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

+ Nguyễn Văn D1: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

+ Vũ Đăng Long V: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

+ Nguyễn Ngọc T3: Từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ

+ Đào Duy H: Từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

+ Tịch thu, phát mại 03 xe mô tô và 03 điện thoại di động;

+ Tịch thu, tiêu hủy: Các vật chứng còn lại

- Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1 phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Anh Đ theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T (Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Bích Liên) phát biểu quan điểm: Không tranh luận về tội danh và điều luật Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ mâu thuẫn trên mạng xã hội giữa T và T2 (cả 2 đều dưới 18 tuổi), T2 là người khởi xướng việc đánh nhau trước; bản thân bị cáo thiếu thốn tình thương, sự chăm sóc do bố mẹ bị cáo đã ly thân. Trong vụ án này, bị cáo mặc dù là người thực hành tích cực nhưng bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho các bị hại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, phía các bị hại cũng có lỗi một phần, bị cáo có bà ngoại tham gia kháng chiến chống Mỹ, bố bị cáo tham gia quân đội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; khi phạm tội là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo nguyên tắc xét xử người chưa thành niên phạm tội. Về vấn đề bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lỗi của phía bị hại nên căn cứ vào khoản 4 Điều 585 Bộ luật Dân sự để quyết định việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1 (Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Hồng Thu) phát biểu quan điểm: Không tranh luận về tội danh và điều luật Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi phạm tội, các bị cáo đều chưa thành niên, một phần do thiếu sự quan tâm, giáo dục, quản lý của gia đình nên để xảy ra sự việc gây thương tích chỉ là bột phát; tính chất và mức độ phạm tội của nhóm bị cáo ít nguy hiểm hơn so với nhóm của bị cáo T. Bị cáo T2 không phải là người trực tiếp gây ra thương tích của bị hại D, bị cáo M1 có tham gia đánh nhau nhưng không trực tiếp đi mua tuýp sắt; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã cùng gia đình đền bồi thường cho bị hại D và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo M1 đang thờ cúng Liệt sỹ, bị cáo M1 vẫn còn đang đi học và có nơi cư trú rõ ràng; như vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo T2, M1 khỏi xã hội; các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Anh T4, Vũ Đặng Long V (Trợ giúp viên pháp lý Đoàn Thị Huế) phát biểu quan điểm: Không tranh luận về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét, khi phạm tội, các bị cáo còn nhỏ tuổi, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, đồng thời, để xảy ra sự việc cũng có một phần lỗi từ phía gia đình đã thiếu sự quan tâm, giáo dục các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; cả 2 bị cáo đều bị rủ rê, lôi kéo, không gây thương tích cho bị hại D. Do đó, Trợ giúp viên pháp lý đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt áp dụng đối với bị cáo Anh T4 và Long V. Về vấn đề bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn V1, Lê Hoàng L (Trợ giúp viên pháp lý Bùi Văn Bình) phát biểu quan điểm: Không tranh luận về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; bị cáo V1 và Hoàng L không phải là người đề xuất, khởi xướng; các bị cáo bị rủ rê, lôi kéo. Trợ giúp viên pháp lý đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phù hợp cho bị cáo được hưởng mức án như đề nghị của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho các bị cáo Đào Duy H (Luật sư Nguyễn Ngọc Chiến) phát biểu quan điểm: Không tranh luận về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (bị cáo chưa có tiền án, có vai trò thứ yếu, không trực tiếp gây thương tích cho bị hại); bị hại cũng có lỗi và đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo; ông ngoại bị cáo có công với Cách mạng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; khi phạm tội là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và cho bị cáo được cải tạo không giam giữ ngoài xã hội.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Anh Đ (Luật sư Nguyễn Đức Chính) phát biểu quan điểm: Đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Nguyễn Duy M, Đặng Duy T1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị hại Đ và đại diện hợp pháp của bị hại Đ về yêu cầu bồi thường dân sự; cụ thể: Các bị cáo bồi thường thêm khoản tiền thu nhập bị mất của chị H7 (mẹ bị hại Đ) do chị H7 phải nghỉ việc để chăm sóc trong cháu Đ trong thời gian điều trị tại bệnh viện là 1 tháng x 8.000.000 đồng/tháng = 8.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 25 tháng lương cơ sở: 25 tháng x 1.390.000 = 34.750.000 đồng; tổng cộng là 42.750.000 đồng. Tuy bị hại Đ cũng có lỗi một phần nhưng chưa có hành động nào tấn công các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị hại.

Các bị hại Lê Văn D, Đào Duy H, Nguyễn Anh Đ (và người đại diện hợp pháp cho bị hại Đ) không có ý kiến tranh luận gì khác.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, ý kiến của các bị hại. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, Biên bản khám nghiệm hiện trường; các Bản kết luận giám định pháp y; phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Tối ngày 28/7/2017, Lê Văn T có đăng ảnh trên Facebook thì Nguyễn Minh T2 vào bình luận dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn. T2 và T hẹn gặp nhau hồi 20h ngày 29/7/2017 tại đường sau trường Cao đẳng nghề du lịch Hải Phòng để giải quyết mâu thuẫn. Nhóm của Lê Văn T gồm có Thường và Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1 đã cầm dao kiếm, gây bóng chày, tuýp sắt tham gia đánh nhau. Nhóm của Nguyễn Minh T2 gồm có T2 và Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Anh Đ, Nguyễn Văn D1, Vũ Đặng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Tiến V2, Nguyễn Ngọc T3, cả nhóm cầm tuýp sắt, vỏ chai để tham gia đánh nhau. Trong quá trình xô xát, đánh nhau, nhóm của Lê Văn T đã làm Nguyễn Anh Đ bị thương giảm 49% sức khỏe, Đào Duy H bị thương giảm 51% sức khỏe; nhóm của Nguyễn Minh T2 làm Lê Văn D bị thương giảm 23% sức khỏe.

[4] Trong nhóm của T2 có Nguyễn Anh Đ (sinh ngày 24/10/2001) khi tham gia đánh nhau chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Nguyễn Tiến V2 có vai trò thứ yếu, có đến hiện trường nhưng không tham gia đánh nhau nên không bị xử lý hình sự.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/5/2018, Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Nguyễn Minh T2 có cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng 01 bản sao Trích lục khai sinh của Nguyễn Minh T2, thể hiện: Nguyễn Minh T2 sinh ngày 01/5/2002, nơi sinh tại Khoa sản, Bệnh viện An Hải, có bố là Nguyễn Ngọc T6 và mẹ là Lê Thị U (trích lục từ sổ gốc số 63 ngày 08/7/2002) do Phó chủ tịch UBND xã NS Hoàng Đình Chuyển ký cấp vào ngày 24/4/2018. Theo tài liệu này, khi phạm tội, bị cáo T2 chỉ 15 tuổi 02 tháng 28 ngày – chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Nguyễn Minh T2, sinh ngày 01/5/2000, nơi sinh tại Khoa sản, Bệnh viện An Hải, có bố là Nguyễn Ngọc T6 và mẹ là Lê Thị U (theo sổ 63, quyển số 01 ngày 08/7/2002, có đóng dấu đăng ký quá hạn); theo đó, khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 28 ngày – đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo khách quan, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ tuổi của bị cáo T2. Theo Kết luận giám định số 3341/C54-TT1 ngày 26/6/2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Căn cứ vào mức độ phát triển thể chất, sự phát triển và cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu, mức độ hàn các đầu xương vào thân xương của các xương dài và khám chuyên khoa, xác định độ tuổi của Nguyễn Minh T2 tại thời điểm giám định (tháng 6 năm 2018) là từ 18 năm 6 tháng đến 20 năm. Vì vậy, khi phạm tội, bị cáo T2 đã đủ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Vì vậy, các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đặng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Ngọc T3 đều phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của người khác. Mặt khác, các bị cáo tụ tập đông người đánh nhau, xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[8] Đối với nhóm của T (gồm Lê Văn T, Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1): Các bị cáo đã có hành vi sử dụng kiếm, dao, gậy gỗ, tuýp sắt là những hung khí nguy hiểm tấn công nhóm của Nguyễn Minh T2; gây thương tích cho Nguyễn Anh Đ và Đào Duy H với tổn thương cơ thể lần lượt là 49% và 51%; các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm và gây thương tích cho nhiều người trên 31% nên hành vi của các bị cáo vi phạm khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999, có khung hình phạt từ 05 năm đến 15 năm. Theo Bộ luật Hình sự 2015, hành vi của các bị cáo vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 134, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 14 năm (có mức hình phạt cao nhất thấp hơn so với khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình

sự 1999) nên các bị cáo bị xét xử theo điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015.

[9] Đối với nhóm của T2 (gồm Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Ngọc T3): Các bị cáo có hành vi sử dụng tuýp sắt, vỏ chai thủy tinh cũng là những hung khí nguy hiểm tấn công nhóm của T, hậu quả làm Lê Văn D bị thương giảm 23% sức khỏe. Hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999, có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Tuy nhiên, theo Bộ luật Hình sự 2015, hành vi của các bị cáo lại vi phạm điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm (nhẹ hơn so với khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999). Do đó, theo nguyên tắc có lợi, các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Ngọc T3 bị xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015.

- *Về vai trò:*

[10] Đối với nhóm của Lê Văn T: Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo còn lại tham gia đánh nhau, nguyên nhân xô xát cũng xuất phát từ mâu thuẫn giữa T và T2 nên bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại trong nhóm. Bị cáo Nguyễn Duy M, Lê Văn D, Đặng Duy T1 đều là những người thực hành tích cực, tham gia đánh nhau nên có vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo T.

[11] Đối với nhóm của Nguyễn Minh T2: Bị cáo T2 là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo còn lại tham gia đánh nhau nên có vai trò cao nhất và phải chịu mức hình phạt cao nhất so với các bị cáo còn lại trong nhóm. Bị cáo Lê Hoàng L và Nguyễn Đăng Duy M1 có bàn bạc với T2 việc đánh nhau và có giúp T2 chuẩn bị vũ khí đánh nhau nên các bị cáo này có vai trò thấp hơn bị cáo T2 nhưng cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Nguyễn Ngọc T3 có vai trò thực hành cùng tham gia đánh nhau do T2 rủ rê nên các bị cáo có vai trò ngang nhau và thấp nhất.

- *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[12] Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[13] Đối với các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T: Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị hại Nguyễn Anh Đ mới 15 tuổi 9 tháng 04 ngày (chưa đủ 16 tuổi) nên các bị cáo T, D, M, T1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Đào Duy H, Nguyễn Đ Anh và được bị hại, gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Văn D có bố đẻ tham gia quân đội, bố bị cáo được tặng thưởng nhiều Giấy khen, Bằng khen. Bị cáo Nguyễn Duy M có ông nội là thương

binh hạng 4, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bố đẻ bị cáo được tặng thưởng nhiều Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã BS. Do đó, các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Nguyễn Duy M, Đặng Duy T1 được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[14] Đối với các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T2: Bị cáo Đào Duy H có ông ngoại tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, Huân chương kháng chiến hạng Ba, hạng Nhì; bị cáo và gia đình đã bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại Lê Văn D và có được gia đình bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo cũng là bị hại trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Anh T4 có ông, bà ngoại tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được tặng thưởng nhiều Huân chương có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo Nguyễn Đăng Duy M1 có ông Nguyễn Đăng N (là em trai của ông nội bị cáo) là Liệt sỹ, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; ông nội bị cáo được tặng thưởng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Bị cáo Nguyễn Văn D1 có ông nội là Liệt sỹ. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng D1 M1, Nguyễn Anh T4, Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Văn V1 đã tự nguyện hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh và bồi dưỡng sức khỏe nhằm khắc phục hậu quả cho bị cáo Lê Văn D (đồng thời là bị hại). Phía bị cáo D cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trên. Do đó, các bị cáo Nguyễn Minh T2, Nguyễn Đăng Duy M1, Nguyễn Anh T4, Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L, Nguyễn Văn V1, Đào Duy H đều được áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Nguyễn Văn D1.

[15] Khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 29/7/2017), các bị cáo Lê Văn T 17 tuổi 9 tháng 15 ngày, Nguyễn Minh T2 17 tuổi 02 tháng 28 ngày, Nguyễn Đăng Duy M1 16 tuổi 11 tháng 18 ngày, Nguyễn Văn D1 17 tuổi 4 tháng 23 ngày, Vũ Đăng Long V 16 tuổi 5 tháng 18 ngày, Nguyễn Văn V1 17 tuổi 01 tháng 22 ngày, Lê Hoàng L 16 tuổi 10 tháng 22 ngày, Nguyễn Ngọc T3 17 tuổi 5 tháng 29 ngày, Nguyễn Anh T4 17 tuổi 01 tháng 23 ngày, Đào Duy H 16 tuổi 11 tháng 21 ngày. Các bị cáo trên đều dưới 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91, Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 khi quyết định hình phạt.

[16] Khi phạm tội, các bị cáo đều là người dưới 18 tuổi; ở lứa tuổi này, các bị cáo đang trong giai đoạn chuyển từ giai đoạn trẻ em sang giai đoạn người lớn nên tâm lý bông bột, nông nổi, thích thể hiện; ngoài ra, do thiếu kinh nghiệm sống nên dễ bị sa ngã, bị những phần tử xấu trong xã hội lôi kéo. Mặt khác, sự hiểu biết về xã hội, pháp luật còn hạn chế, dẫn đến lựa chọn hành vi ứng xử thiếu chính xác, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung của xã hội.

[17] Đối với các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T: Hành vi của các bị cáo gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây thương tích cho nhiều người nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục. Bị cáo T mặc dù

là người chưa thành niên nhưng bị cáo là người khởi xướng nên mức án của bị cáo T phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[18] Đối với các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T2: Bị cáo T2 là người chủ mưu trong nhóm, rủ rê các bị cáo khác đều dưới 18 tuổi tham gia đánh nhau, do bị cáo cũng là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”, tuy nhiên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục. Các bị cáo Lê Hoàng L, Nguyễn Đăng Duy M1, Đào Duy H, Nguyễn Anh T4, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn D1, Vũ Đăng Long V, Nguyễn Ngọc T3 tuổi còn trẻ, nông nổi, kinh nghiệm sống chưa nhiều, trình độ nhận thức còn hạn chế, bị rủ rê lôi kéo nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Đăng Duy M1 và bị cáo Lê Hoàng L có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; các bị cáo H, T4, V1, D1, Long V, T3 chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, do các bị cáo đều chưa thành niên không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập.

[19] Đối với quan điểm của các người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Bị hại Lê Văn D mặc dù không yêu cầu bồi thường nhưng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường và được bị hại chấp nhận nên Hội đồng xét xử vẫn đánh giá và chấp là các bị cáo T2, Duy M1, Anh T4, Long V, Hoàng L, Văn V1 đã tự nguyện bồi thường theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, đối với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo T2 được hưởng án treo, Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi lẽ, mặc dù các bị cáo T2, T đều là người chưa thành niên và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng cả 2 bị cáo đều là người khởi xướng việc đánh nhau giữa 2 nhóm, gây hậu quả là nhiều người bị thương tích, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải có mức án nghiêm khắc với cả 2 bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo mà không phải căn cứ bắt buộc phải xử bị cáo mức án thấp hơn dưới khung hình phạt hay cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với đề nghị của Luật sư cho bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này, bởi lẽ: Các bị cáo đồng phạm cùng chung ý chí nên phải cùng chịu chung hậu quả và bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Về bồi thường dân sự:

[20] + Bị hại Lê Văn D không yêu cầu các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T2 phải bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản bồi thường khác. Tuy nhiên, các bị cáo T2, Duy M1, Long V, Văn V1, Hoàng L, Anh T4 đã bồi thường

cho D 10.000.000 đồng; bị cáo H bồi thường 5.000.000 đồng; bị hại D không có yêu cầu gì khác. Bị hại Đào Duy H và đại diện hợp pháp đã được các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường khác. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật của bị cáo H, D và các bị cáo còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[21] + Bị hại Nguyễn Anh Đ và đại diện hợp pháp đã được các bị cáo thuộc nhóm của bị cáo T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; bị cáo M và T1 bồi thường thêm 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị H7 (mẹ bị hại Đ) trình bày, chị làm công nhân có thu nhập là 8.000.000 đồng/tháng, thời gian bị hại Đ điều trị là 1 tháng, trong thời gian này, chị phải nghỉ việc và không được hưởng lương nên đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền mất thu nhập của chị H7 là 8.000.000 đồng x 1 tháng = 8.000.000 đồng; ngoài ra, chị H7 đề nghị các bị cáo ngoài số tiền đã bồi thường phải bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 25 tháng lương cơ sở là 25 tháng x 1.390.000 = 34.750.000 đồng; tổng cộng các bị cáo phải bồi thường số tiền: 34.750.000 + 8.000.000 = 42.750.000 đồng.

[22] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo T, D, T1, M và gia đình đã bồi thường cho bị hại Đ tổng số tiền là 60.000.000 đồng nhưng chị H6 chưa cung cấp được các hóa đơn, chứng từ trong thời gian điều trị thương tích cho bị hại Đ chị H6 để chứng minh số tiền viện phí của bị hại Đ là bao nhiêu; ngoài ra, chị H6 cũng chưa cung cấp được các căn cứ để chứng minh chị hiện đang làm việc ở đâu và thu nhập bị mất của chị trong quá trình chăm sóc bị hại Đ là bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu bồi thường dân sự thêm của chị để giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu và vẫn ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đ.

- *Về xử lý vật chứng:*

[23] Đối với 02 tuýp sắt; 04 vỏ chai, một số mảnh vỡ thủy tinh, 03 khẩu trang y tế và một số dấu máu; 01 gậy gỗ hình trụ tròn; 01 kiếm tự tạo bằng kim loại: Đây là các đồ vật các bị cáo sử dụng vào việc đánh nhau, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[24] Đối với 01 xe mô tô Yamaha Nouvo màu đỏ (không chìa khóa) do anh Lê Văn Phước (bố của bị cáo Lê Văn D) giao nộp: Đây là tài sản của bị cáo D, bị cáo sử dụng để chở các bị cáo đi đánh nhau, có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[25] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Hansom Dream màu tím, xe không có yếm, không gương chiếu hậu, có chìa khóa thu giữ của bị cáo Lê Văn T: Chiếc xe này do bị cáo mua, sử dụng vào việc đi đánh nhau gây thương tích nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước

[26] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu trắng, không có ốp nhựa mặt đèn pha, cánh yếm bên trái bị nứt vỡ, không có gương chiếu hậu, không chìa khóa do bị cáo Nguyễn Minh T2 nộp: Bị cáo mua chiếc xe này bằng tài sản của bị cáo, có sử dụng để chở các bị cáo đi đánh nhau, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[27] Đối với điện thoại di động Iphone 5 màu đen của Nguyễn Duy M; điện thoại di động Iphone 5 màu trắng của Lê Văn D; điện thoại Iphone 6 màu vàng của Đặng Duy T1: Các bị cáo có sử dụng điện thoại để liên lạc với nhau đi đánh nhau nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[28] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Các bị cáo, các bị hại; người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, bị hại (chưa đủ 18 tuổi); người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Lê Văn T**; xử phạt: 06 (Sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2017; trừ cho bị cáo các ngày tạm giữ trước (từ ngày 30/7/2017 đến ngày 08/8/2017)

- Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Duy M**; xử phạt: 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Đặng Duy T1**; xử phạt: 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2017.

- Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Lê Văn D**; xử phạt: 05 (Năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Minh T2**; xử phạt: 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 98; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Đăng Duy M1**; xử phạt: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Lê Hoàng L**; xử phạt: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Hồng, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Đăng Duy M1 và Lê Hoàng L. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt **Nguyễn Văn D1**: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Vũ Đặng Long V**; xử phạt: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Vũ Đăng Long V cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Văn V1**; xử phạt: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V1 cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Ngọc T3**; xử phạt: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã DB, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Nguyễn Anh T4**; xử phạt: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; Điều 91; Điều 98 Bộ luật Hình sự 2015 đối với **Đào Duy H**; xử phạt: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, xử:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) tuýp sắt; 04 (Bốn) vỏ chai, một số mảnh vỡ thủy tinh, 03 (Ba) khẩu trang y tế và một số dấu máu; 01 (Một) gậy gỗ hình trụ tròn; 01 (Một) kiếm tự tạo bằng kim loại:

+ Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước: 03 (Ba) xe mô tô và 03 (Ba) điện thoại di động

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2018 tại Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng).

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, những người bào chữa và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Đăng Long V, Lê Hoàng L; các bị hại, người bảo vệ quyền lợi và người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Anh Đ; những người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm